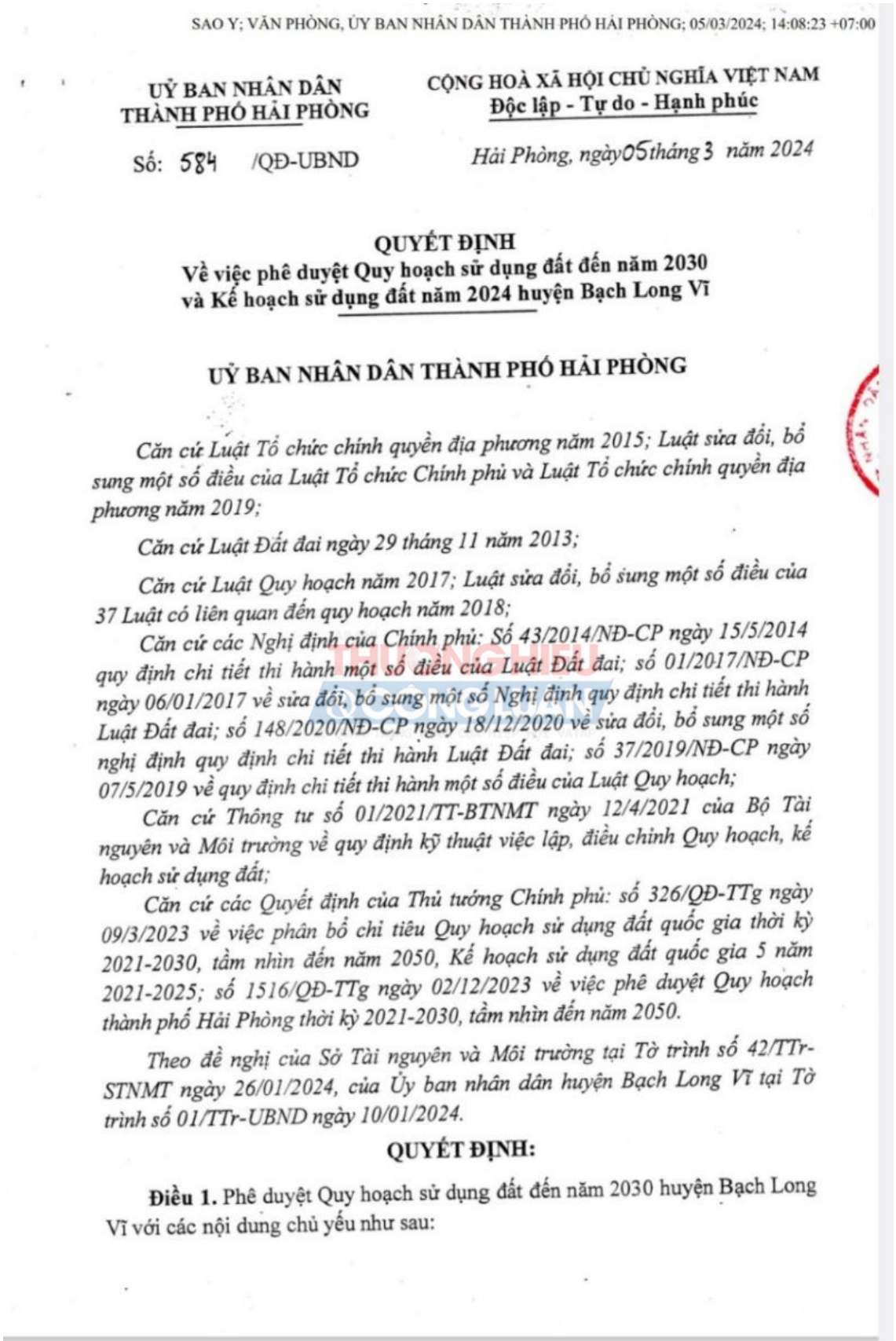
TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Hải Phòng phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đảo Bạch Long Vĩ

10:22 13/03/2024

Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hải Phòng Lê Anh Quân ký Quyết định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bạch Long Vĩ (Hải Phòng).



SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 05/03/2024; 14:08:23 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số: 584 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bạch Long Vĩ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2023 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 42/TTr-STNMT ngày 26/01/2024, của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 10/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bạch Long Vĩ với các nội dung chủ yếu như sau:

Quyết định 584 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Bạch Long Vĩ, TP. Hải Phòng (Ảnh: Kim Huệ)

Theo đó, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Bạch Long Vĩ với các

nội dung như: diện tích, cơ cấu các loại đất quy hoạch đến năm 2030 (biểu số 01); diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2030 (biểu số 02); diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đến năm 2030 (biểu số 03); vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bạch Long Vĩ tỷ lệ 1/2000; Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bạch Long Vĩ.

BIỂU 01: DIỆN TÍCH, CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2020 (ha)	Quy hoạch đến năm 2030				
				Diện tích thành phố phân bổ (ha)	Diện tích huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Biến động tăng (+), giảm (-) (ha)
	Tổng diện tích tự nhiên		**307,02**	**307,02**		**307,02**	**100,00**	**0**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**14,53**	**15,59**		**15,59**	**5,08**	**1,06**
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,61		10,93	10,93	3,56	10,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	13,58	4,65		4,65	1,51	-8,93
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,33		0	0		-0,33
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**181,05**	**270,11**		**270,11**	**87,98**	**89,06**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	114,27	114,56		114,56	37,31	0,29
2.2	Đất an ninh	CAN	0,12	0,19		0,19	0,06	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		25,67		25,67	8,36	25,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,95	5,29		5,29	1,72	2,34
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	29,11	62,18		62,18	20,25	33,07
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*12,40*	*36,50*		*36,50*	*11,89*	*24,10*
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*4,03*	*1,69*		*1,69*	*0,55*	*-2,34*
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*1,47*	*1,85*		*1,85*	*0,60*	*0,38*
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*0,19*	*0,52*		*0,52*	*0,17*	*0,33*
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	*0,34*	*0,34*		*0,34*	*0,11*	
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục*	*DTT*	*1,69*	*1,69*		*1,69*	*0,55*	

THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Biểu thể biện diện tích, cơ cấu các loại đất đến năm 2030 của huyện Bạch Long Vĩ (Ảnh: Kim Huệ)

Tại Quyết định nêu rõ UBND huyện Bạch Long Vĩ có trách nhiệm công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

theo kế hoạch, quy hoạch. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Bạch Long Vĩ trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; chịu trách nhiệm về nội dung trình duyệt và quản lý, lưu trữ hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Kim Huệ